

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 16/7/2020
“*V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông: Đặng Văn Hai;
 2. Ông: Nguyễn Phát Triển.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 10 và ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2018, về “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS ngày 23/04/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 260/2019/QĐST-DS ngày 17/5/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Võ Hoàng V, Sinh năm: 1975. Địa chỉ: ấp PL, xã TPĐ, TP. SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn G, Sinh năm: 1971. Địa chỉ: ấp ĐP, xã ĐH, huyện LVg, Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Lê Thị Bích T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: LD, khóm MP, phường MP, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Bích T là Triệu Trọng Đ, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: NH, P2, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 04/10/2019).

2/ Lê Minh S, sinh năm: 1988; Địa chỉ: LTK, K4 P1, TP. SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Huỳnh Quốc P, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ĐHT, K2, P2, TP. SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Nguyễn Văn B, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp TT, xã PH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Võ Hoàng V, ông Triệu Trọng Đ có mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Văn G; Lê Minh S; Nguyễn Văn B; Huỳnh Quốc P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, ngày 20/09/2018; Tờ tường trình, ngày 08/4/2019 Biên bản lấy lời khai, ngày 08/4/2019; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa Nguyên đơn Võ Hoàng V trình bày:

Vào ngày 01/4/2017 ông Võ Hoàng V có cho ông Nguyễn Văn G vay số tiền 290.000.000 đồng. Trong số tiền 290.000.000 đồng mà ông V cho ông G vay có: số tiền 190.000.000 đồng ông V đứng bảo lãnh trả nợ thay ông G cho bà Lê Thị Bích T, còn 100.000.000 đồng là ông V cho ông G mượn. Khi ông V đứng bảo lãnh trả nợ thay cho ông G số tiền 190.000.000 đồng thì có làm Tờ cam kết thanh toán bảo lãnh trả nợ thay cùng ngày 01/4/2017 có chữ ký tên của ông Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn B (ông B ký tên với tư cách người làm chứng) và Võ Hoàng V. Sau khi làm Tờ bảo lãnh thanh toán trả nợ thay thì ông Nguyễn Văn G có viết Biên nhận cho ông Võ Hoàng V, thừa nhận còn nợ ông V tổng cộng là 290.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay khi nào ông G giải ngân được thì sẽ trả lại tiền cho ông V, nhưng đến nay ông G không trả lại cho ông V số tiền trên.

Ông G vay 190.000.000 đồng của bà T thì có thể chấp cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G. Sau đó, ông V đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho G số tiền 190.000.000 đồng thì ông V đã giao bản chính Tờ bảo lãnh thanh toán trả nợ thay cho bà T giữ, bà T đưa cho ông V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G cho ông V giữ, sau đó ông G đến gặp ông V để lấy lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với số tiền 190.000.000 đồng ông V đứng bảo lãnh trả nợ thay cho ông G thì ông V đã trả xong cho bà T cụ thể các lần trả là: Ngày 02/11/2018 trả 18.000.000 đồng; ngày

22/11/2018 trả 32.000.000 đồng, ngày 17/12/2018 trả 25.000.000 đồng (03 lần trả tiền này là ông V giao cho Huỳnh Quốc P và Lê Minh S nhận tiền, vì Phong, S là người mà bà T nhờ xuống nhận tiền); Còn lại số tiền 115.000.000 là ông V trực tiếp trả cho bà T. Những lần trả tiền cho bà T thì ông V không có làm biên nhận và không có gì chứng minh là ông V trả tiền cho bà T nhưng sau khi trả đủ tiền thì bà T có trả lại cho ông V bản chính Tờ bảo thanh toán trả nợ thay. Nay ông V không có yêu cầu gì đối với bà Lê Thị Bích T, Lê Minh S, Nguyễn Văn B và Huỳnh Quốc P.

Nay ông Võ Hoàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn G trả cho ông Võ Hoàng V số tiền vay vốn 290.000.000 đồng, lãi suất 57.768.000 đồng, (lãi tính từ ngày 01/4/2017 đến ngày 01/4/2019 là 24 tháng, lãi suất 0,83%). Tổng cộng vốn và lãi là 347.768.000 đồng. Ngoài số tiền trên thì ông G không có nợ ông V khoảng tiền nào khác. Ngoài ra ông V không có yêu cầu gì đối với bà Lê Thị Bích T, Lê Minh S, Nguyễn Văn B và Huỳnh Quốc P.

Tại Tờ tường trình; Biên bản lấy lời khai; Biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn G trình bày:

Vào ngày 10/8/2016 ông Nguyễn Văn G có nhờ ông Võ Hoàng V làm hồ sơ cho ông G vay tiền Ngân hàng với số tiền 2.000.000.000 đồng (trong vòng 03 ngày Ngân hàng sẽ giải ngân), nhưng sau đó đến ngày 01/4/2017 ông V mới nói hồ sơ của G làm đã xong 03 ngày nữa sẽ giải ngân và buộc ông G viết Biên nhận với số tiền là 120.000.000 đồng để làm tin, đến ngày thứ 3 không nhận được tiền của Ngân hàng giải ngân ông G có yêu cầu ông V trả Biên nhận nhưng ông V không trả, biên nhận 120.000.000 đồng ông V đang giữ. Đối với Biên nhận 290.000.000 đồng ông G không nhớ là có ký tên vào biên nhận hay không nhưng ông G thừa nhận Biên nhận 290.000.000 đồng là do ông viết và ký tên. Trong số tiền 290.000.000 đồng có 100.000.000 đồng là tiền huê hồng ông G thuê ông V làm hồ sơ vay Ngân hàng và 190.000.000 đồng là bảo lãnh trả nợ thay ông G cho bà T.

Do đó, ông G không đồng ý trả cho anh Võ Hoàng V số tiền 290.000.000 đồng, lãi 53.843.000 đồng. Tổng cộng là 343.843.000 đồng. Vì số tiền 100.000.000 đồng ông G không có nhận tiền của ông V, số tiền 190.000.000 đồng ông V chưa trả cho bà T thay cho ông G.

Ông Nguyễn Văn G thừa nhận vào ngày 28/11/2016 ông G có vay của bà Lê Thị Bích T số tiền 190.000.000 đồng, có làm biên nhận. Nay ông G đồng ý trả cho bà T số tiền vốn 19.000.000 đồng và lãi. Ông G không yêu cầu ai khác cùng ông G trả số tiền trên cho bà T.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, ngày 08/10/2019 và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Triệu Trọng Đức trình bày:

Vào ngày 28/11/2016 bà T có cho ông G vay số tiền là 190.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận. Mục đích vay là để ông G trả nợ Ngân hàng sau đó bà T đã liên hệ với ông G nhiều lần để trả nợ cho bà T nhưng ông G không trả. Đến ngày 01/4/2017 ông G có dẫn ông V đến gặp bà T nói là ông V là cán bộ Ngân hàng hiện nay ông G đang làm hồ sơ vay tiền Ngân hàng. Giữa ông V và ông G có thỏa thuận việc ông V trả nợ thay cho G hay không thì bà T không biết. Bà T không biết Tờ bảo lãnh trả nợ thay và cũng không có ký tên vào. Từ trước đến nay bà T không có nhận khoảng tiền nào của ông V và bà T cũng không có nhờ ai đến gặp ông V lấy tiền.

Nay bà Lê Thị Bích T yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả cho bà T số tiền vốn là 190.000.000 đồng, lãi là 81.700.000 đồng (lãi tính từ 28/11/2016 đến 28/6/2020) $43 \text{ tháng} \times 1\% = 81.700.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 271.700.000 đồng. Ngoài bà T không có yêu cầu gì đối với Võ Hoàng V; Nguyễn Văn B; Lê Minh S và Huỳnh Quốc P.

Đối với ông Nguyễn Văn G; Nguyễn Văn B; Lê Minh S và Huỳnh Quốc P thì Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với Bị đơn Nguyễn Văn G, Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan Nguyễn Văn B; Lê Minh S và Huỳnh Quốc P theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên cũng đồng ý xét xử vắng mặt Bị đơn Nguyễn Văn G, Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan Nguyễn Văn B; Lê Minh S và Huỳnh Quốc P.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đối với Bị đơn Nguyễn Văn G và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Minh S, Huỳnh Quốc P và Nguyễn Văn B không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng của mình,

luôn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn Võ Hoàng V. Buộc ông Nguyễn Văn G trả cho Võ Hoàng V số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tính lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/4/2017 đến ngày 01/4/2019.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn G trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 190.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, tính từ 28/11/2016 đến ngày 18/6/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy, việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa ông Võ Hoàng V và ông Nguyễn Văn G là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn G và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Minh S, Huỳnh Quốc P và Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn G vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn ông Võ Hoàng V yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả cho ông Võ Hoàng V vốn 290.000.000 đồng, lãi suất 57.768.000 đồng, (lãi tính từ ngày 01/4/2017 đến ngày 01/4/2019 là 24 tháng, lãi suất 0,83%). Tổng cộng vốn và lãi là 347.768.000 đồng. Yêu cầu này được anh V chứng minh là “Biên nhận”

có chữ ký tên và ghi rõ họ tên của người mượn nợ Nguyễn Văn G, với nội dung của Biên nhận “ Tôi Nguyễn Văn G, sinh năm 1971. Ngụ áp Định Phú xã Định Hòa. Huyện Lai Vung. ĐT. Tôi có mượn: Võ Hoàng V số tiền 290.000.000 đồng. Hai trăm chín chục triệu đồng. Khi ngân hàng cho vay giải ngân tôi trả cho Võ Hoàng V”.

Ông Võ Hoàng V và ông Nguyễn Văn G đều thống nhất rằng số tiền 290.000.000 đồng là gồm 02 khoản nợ.

Trong đó có 190.000.000 đồng là ông G nợ bà Lê Thị Bích T vào ngày 28/11/2016, khi vay tiền của bà T ông G có thể chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất của mình cho bà T. Đến ngày 01/4/2017 ông V, G và ông B có đến gặp bà T để mượn lại Giấy chứng nhận QSD đất của ông G để ông G làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng. Cũng cùng ngày 01/4/2017 ông V đứng ra viết Tờ cam kết bảo lãnh trả nợ thay ông G cho bà T với số tiền là 190.000.000 đồng. Tờ cam kết có chữ ký tên của ông Võ Hoàng V, Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Văn B ký tên với tư cách là người chứng kiến việc ông V bảo lãnh trả nợ cho T thay cho ông G. Tuy nhiên trong Tờ cam kết này không có chữ ký tên của bà Lê Thị Bích T. Ông V cho rằng ông đã trả đủ cho bà T số tiền 190.000.000 đồng qua các lần trả là: Ngày 02/11/2018 trả 18.000.000 đồng; ngày 22/11/2018 trả 32.000.000 đồng, ngày 17/12/2018 trả 25.000.000 đồng (03 lần trả tiền này là ông V giao cho Huỳnh Quốc P và Lê Minh S nhận, Phong, S là người mà bà T nhờ xuống nhận tiền); Còn lại số tiền 115.000.000 là ông V trực tiếp trả cho bà T. Những lần trả tiền cho bà T thì ông V không có làm biên nhận và không có gì chứng minh là ông V trả tiền cho bà T. Đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng bà T không có nhận khoảng tiền của ông V. Đối với Huỳnh Quốc P và Lê Minh S là Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Do đó, yêu cầu của ông Võ Hoàng V đối với số tiền 190.000.000 đồng chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần yêu cầu này của ông Võ Hoàng V. Khi nào ông Võ Hoàng V có yêu cầu tranh chấp gì đối với Huỳnh Quốc P, Lê Minh S, Lê Thị Bích T sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Ông G thừa nhận Biên nhận 290.000.000 đồng là do ông viết và ký tên. Trong số tiền 290.000.000 đồng có 100.000.000 đồng là tiền huê hồng ông G thuê ông V làm hồ sơ vay Ngân hàng, nhưng ông G không cung cấp được các chứng cứ chứng minh số tiền 100.000.000 đồng là ông G thuê ông V làm hồ sơ để ông G vay tiền Ngân hàng, nhưng ông V cho rằng số tiền 100.000.000 đồng là ông G vay của ông V, được cộng chung với số tiền 190.000.000 đồng trong biên

nhận 290.000.000 đồng. Xét thấy, việc ông Võ Hoàng V yêu cầu ông G trả 100.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V đối với số tiền 100.000.000 đồng là đúng với khoản 1 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự có ghi:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Bích T yêu cầu ông G trả 190.000.000 đồng, lãi là 81.700.000 đồng (lãi tính từ 28/11/2016 đến 28/6/2020) 43 tháng x 1% = 81.700.000 đồng. Tổng cộng 271.700.000 đồng. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày 25/10/2019 ông Nguyễn Văn G thừa nhận có nợ bà T số tiền 190.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền vốn và lãi cho bà T. Xét thấy sự tự nguyện của ông G là phù hợp theo quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông G.

Vào ngày 24/12/2018 ông Nguyễn Văn G có Đơn yêu cầu xin giám định chữ ký của Biên nhận ngày 01/4/2017 đến ngày 06/5/2019 ông Nguyễn Văn G có Đơn yêu cầu xin rút lại yêu cầu xin giám định chữ ký của Biên nhận ngày 01/4/2017. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn G là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông G.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần nên Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Hoàng V.

- Buộc ông Nguyễn Văn G trả cho Võ Hoàng V số tiền vốn là 100.000.000 đồng, lãi suất 19.920.000 đồng, (lãi tính từ ngày 01/4/2017 đến ngày 01/4/2019 là 24 tháng, lãi suất 0,83%). Tổng cộng vốn và lãi là 119.920.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bác yêu cầu của ông Võ Hoàng V đối với số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc ông Nguyễn Văn G trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 190.000.000 đồng, lãi là 81.700.000 đồng (lãi tính từ 28/11/2016 đến 28/6/2020) $43 \text{ tháng} \times 1\% = 81.700.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn, lãi là 271.700.000 đồng (Hai trăm B mươi một triệu, B trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Võ Hoàng V mà Nguyễn Văn G chậm trả 119.920.000 đồng thì hàng tháng Nguyễn Văn G còn phải trả cho Võ Hoàng V thêm phần lãi theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Lê Thị Bích T mà Nguyễn Văn G chậm trả 271.700.000 đồng thì hàng tháng Nguyễn Văn G còn phải trả cho Lê Thị Bích T thêm phần lãi theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

5. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Nguyễn Văn G phải chịu 19.581.000 đồng (Mười chín triệu, năm trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Hoàng V phải chịu 11.392.400 đồng (Mười một triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 8.597.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002544, ngày 06/12/2018. Ông V còn phải nộp thêm 2.795.400 đồng (Hai triệu, B trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 6.428.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001864, ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/7/2020). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày

16/7/2020 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (CD.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ...giờ...phút, ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Tô Hoàng V;

2. Ông: Đặng Văn Hai.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 85/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018, “V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hết, Sinh năm: 1954; Địa chỉ: 463A/2 ấp Hòa Tân, xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn: Thái Thị Chơn, Sinh năm: 1978; Địa chỉ: 526A/3 ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Kết quả biểu quyết:

I- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Áp dụng: Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hết.
2. Buộc chị Thái Thị Chơn trả cho bà Nguyễn Thị Hết số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Hết mà chị Thái Thị Chơn chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

II- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Về án phí, tạm ứng án phí: Chị Thái Thị Chơn chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hết số tiền 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0001202, ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/5/2018. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Biên bản lập xong đã đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và đồng ý ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lai Vung, ngày 16 tháng 11 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đặng Văn Hai.
2. Ông: Nguyễn Chí Công.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án “*V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” giữa:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung.

Địa chỉ: Số 09 Lô A – Cụm dân cư Khóm 4, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung là: Ông Nguyễn Việt Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung. *Địa chỉ:* 154A Khóm 4, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Việt Hùng là ông Nguyễn Văn Lắm, Sinh năm: 1968. *Địa chỉ:* 135 Khóm 3, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn: Lê Hoàng Phương, sinh năm 1970. *Địa chỉ:* 446A khóm 4, TT Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Huyền Trang, Sinh năm: 1978. *Địa chỉ:* 446A khóm 4, TT Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử T luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 305; khoản 1, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự. Khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung.
- Buộc Lê Hoàng Phương, Trần Thị Huyền Trang cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung vốn 50.000.000 đồng và lãi suất 12.109.160 đồng tạm tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 15/7/2016. Cộng chung vốn và lãi suất là 62.109.160 đồng.

Lê Hoàng Phương và Trần Thị Huyền Trang còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất đối với khoản nợ gốc 50.000.000 đồng, kể từ ngày 16/7/2016 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận ký kết trong hợp đồng tín dụng số 618/2014/HĐTD ngày 31/12/2014.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%.

Án phí:

- Lê Hoàng Phương, Trần Thị Huyền Trang cùng liên đới phải chịu 3.105.500 đồng án phí sơ thẩm dân sự (Chưa nộp).

- Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Lai Vung 1.552.800 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 05789, ngày 29/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/11/2016. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản lập xong cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe, thống nhất và đồng ý ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**